

THƠ ĐƯỜNG CỦA MỘT SỐ THI SĨ TRONG HÀNH TRÌNH BIỂM TRÍCH ĐẾN VIỆT NAM

Nguyễn Hồng Linh

Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Nghiên cứu sinh tại Đại học Sư phạm Hoa Trung, Trung Quốc

Tóm tắt. Nhà Đường, Trung Hoa đánh dấu thời đại hoàng kim của thể loại thơ Đường luật với số lượng tác gia đồ sộ và khối lượng tác phẩm rực rỡ nhất trong lịch sử thơ ca cổ điển Trung Hoa. Với tư cách là di sản văn hóa trân quý, thơ Đường lễ dĩ nhiên cùng với văn hóa thời Đường đều được tiếp nhận một cách tích cực ở Việt Nam. Về ảnh hưởng và sự tiếp nhận của một số thi sĩ tiêu biểu thời Đường là Đỗ Phủ, Lý Bạch, Bạch Cư Dị... đã có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, các tác giả Đường thi khác vẫn còn là những hình bóng mờ nhạt. Trong quá trình tìm hiểu lịch sử truyền bá Thơ Đường, chúng tôi có thêm cứ liệu về những bài thơ Đường được các thi sĩ sáng tác trong hành trình biếm trích đến nước ta. Họ ít nhiều có mối giao lưu mật thiết với giới văn nhân sĩ tử người Việt, do đó đã có cơ hội truyền bá thơ Đường, đồng thời đã sáng tạo nên những thi phẩm giàu giá trị về nội dung và nghệ thuật. Trong phạm vi bài báo, tác giả tập trung giới thiệu, khảo sát, bình luận những bài thơ được sáng tác trong hành trình biếm trích của hai thi sĩ thời Sơ Đường là Đỗ Thâm Ngôn và Thảm Thuyên Kỳ. Việc khảo sát những bài thơ được viết trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt của hai thi sĩ cho thấy vẻ đẹp và sức sống bất diệt của kinh điển Đường thi còn là sự đóng góp của những bài thơ miêu tả thiên nhiên, cảnh vật, đất nước và con người Việt Nam.

Từ khóa: thơ Đường, Sơ Đường, biếm trích, Đỗ Thâm Ngôn, Thảm Thuyên Kỳ.

1. Mở đầu

Thơ ca cổ điển Trung Hoa có đóng góp vô cùng quan trọng đối với nền văn học viết Việt Nam, đặc biệt là ở thể tài thơ Đường luật. Qua quá trình khảo sát các công trình nghiên cứu về thơ Đường ở Việt Nam, chúng tôi nhận thấy chủ yếu tồn tại các công trình dịch thuật thơ Đường, tiếp đến là hướng nghiên cứu ảnh hưởng về mặt giá trị nội dung, thi pháp của một số tác giả tiêu biểu thời Đường là Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị đến một số tác giả Việt Nam là Nguyễn Du, Nguyễn Trãi... Cụ thể, luận án “Vấn đề dịch thơ Đường ở Việt Nam” [1] của Nguyễn Tuyết Hạnh đã hệ thống lịch sử dịch thơ Đường từ khi chữ Nôm được sử dụng phổ biến đến khi chữ Quốc ngữ ra đời. Luận án “Thơ mới với thơ Đường” [2] của tác giả Lê Thị Anh đã chỉ rõ sự tiếp thu nhiều mặt của Thơ mới với thơ Đường, cụ thể đó là sự tiếp nhận, học hỏi có chọn lọc về mặt nội dung và thi pháp thể loại. Đặc biệt, luận án “Nguyễn Du và Đỗ Phủ những tương đồng và khác biệt về nghệ thuật” [3] của Hoàng Trọng Quyền đã nghiên cứu về quan niệm sáng tác và cảm quan hiện thực trong tư tưởng nghệ thuật của Nguyễn Du và Đỗ Phủ, khẳng định cảm hứng chủ đạo trong tư tưởng nghệ thuật của Nguyễn Du đã tiếp nhận sáng tạo

Ngày nhận bài: 12/11/2020. Ngày sửa bài: 24/12/2020. Ngày nhận đăng: 5/1/2021.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hồng Linh. Địa chỉ e-mail: linhnh.lol@tnue.edu.vn

từ Đỗ Phủ, đồng thời so sánh quá trình chuyển biến, phát triển tư tưởng nghệ thuật của hai tác gia. Những nghiên cứu về Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ vẫn còn hạn chế. Hơn thế, tuyển tập thơ của hai tác giả tiêu biểu thời Sơ Đường vẫn chưa được xuất bản tại Việt Nam. Khảo sát về sự tồn tại các thi phẩm của Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ trong kho sách Hán Nôm tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm cho thấy: số lượng tác phẩm của hai tác giả này trong các tuyển tập dịch Nôm thơ Đường không nhiều. Cụ thể, thơ của Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ chỉ được trích dịch trong *Đường thi hợp tuyển ngũ ngôn luật giải âm* (唐诗合选五言律解音) kí hiệu AB.194 [4], trong đó thơ Đỗ Thâm Ngôn được dịch Nôm 5 bài (*Bồng Lai tam điện thị yến phụng sắc vịnh Chung Nam sơn*, *Thu dạ yến lâm tân Trịnh Minh Phủ trạch*, *Hạ nhật quá Trịnh thất sơn trai*, *Hoạ Tấn Lăng Lục thừa tướng Tảo xuân du vọng* và *Hoạ Khang ngũ Đình Chi vọng nguyệt hữu hoài*) và dịch Nôm 2 bài thơ của Thâm Thuyên Kỳ (*Vu Sơn*, *Dạ túc Thất Bàn lĩnh*). Chúng tôi tiếp tục khảo sát đến những tuyển tập thơ Đường bằng chữ Quốc ngữ xuất hiện tương đối sớm, trước hết là *Đường thi* [5] của Trần Trọng Kim, tuyển tập dày dặn này chỉ trích dịch 01 bài thơ của Thâm Thuyên Kỳ là *Mang sơn* [5,146] và 01 bài thơ của Đỗ Thâm Ngôn là *Hoạ Tấn Lăng Lục thừa Tảo xuân du vọng* [5,353]. Đến *Đường thi trích dịch* [6] của Đỗ Bằng Đoàn có dịch 01 bài thơ của Đỗ Thâm Ngôn là *Phủ đắc Thiếp bạc mệnh* [6,718] và 03 bài thơ của Thâm Thuyên Kỳ là *Cổ ý* [6,146], *Mang sơn* [6,427], *Dạ túc Thất Bàn lĩnh* [6,726]).

Trong bài viết về *Sự truyền bá thơ Đường ở Việt Nam*, tác giả Lăng Chương có lời nhận xét về hai tác giả Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ đã có thời gian biếm trích đến Việt Nam và tác phẩm của họ đã có ảnh hưởng sâu rộng đến thi đàn Việt Nam (沈佺期和杜审言都是初唐时期著名的重要诗人, 被流放后直接在越南传播唐诗, 对越南诗坛也有很大影响) [7]. Đây cũng là một trong những luận điểm quan trọng giúp chúng tôi có hướng nghiên cứu, tập trung khảo sát *Toàn Đường Thi* để tổng hợp, dịch thuật và giới thiệu các tác phẩm của hai tác giả Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ trong hành trình biếm trích đến Việt Nam.

Nhận thấy việc nghiên cứu dịch thuật tiến đến là những phân tích chuyên sâu về thơ của hai tác giả Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ trong các tuyển tập đã được xuất bản ở Việt Nam vẫn còn khá hạn chế, do vậy trong phạm vi của bài báo chúng tôi tập trung khảo sát, dịch thuật các bài thơ Đường của hai tác giả Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ trong hành trình biếm trích đến Việt Nam qua cuốn *Toàn đường thi* nhằm bổ sung thêm những tri thức còn thiếu sót trong nghiên cứu Đường thi. Đóng góp của bài báo là sự dịch thuật, giới thiệu một cách hệ thống thi phẩm thơ Đường của hai tác giả Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ được ra đời trong hoàn cảnh cụ thể là hành trình biếm trích đến Việt Nam, góp thêm tư liệu cần thiết hoàn thiện quá trình nghiên cứu về lịch sử truyền bá, tiếp nhận thơ Đường. Tác giả bài viết thông qua vẻ đẹp ngôn ngữ nghệ thuật của hệ thống những bài thơ luật, thể hiện sự linh hoạt thấu đáo về mặt tư tưởng, tình cảm của các thi nhân Sơ Đường đối với thiên nhiên, đất nước và con người Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

Thời Đường (618-907) có rất nhiều văn nhân từ phương xa đến Việt Nam, lấy việc làm thơ ngâm vịnh, truyền thụ văn học làm niềm vui, họ am hiểu tường tận niêm luật sáng tác Đường thi và thấu hiểu tinh hoa văn hóa dân tộc. Họ đã đưa tác phẩm Trung Hoa đến với Việt Nam, sự truyền bá tự giác hay ngẫu nhiên như vậy, đối với văn học Việt Nam và cảm hứng sáng tác thơ ca của người Việt vốn có tác dụng đặt nền móng cơ sở, là những viên gạch quan trọng cho sự tiếp nhận Thơ Đường, tiếp đến là sự mô phỏng, học hỏi, sáng tác và phát triển thể thơ Đường luật của người Việt. Sự tiếp nhận những thành tựu tinh hoa văn hóa Trung Hoa đã được tổng kết qua nhận xét của Dương Quảng Hàm: “Văn hóa ấy truyền sang nước Việt tuy do nhiều cách,

nhưng thứ nhất là do văn học, tức là nhờ sự học chữ Nho và các sách chữ Nho của người Trung Hoa đem sang. Chính cái văn học của người Trung Hoa đã chi phối tư tưởng, học thuật, luân lý, chính trị, phong tục của dân tộc Việt Nam” [8]. Văn học sử đời Đường ghi nhận không ít những thi sĩ tài năng tuy nhiên vì mang tội với triều đình nên họ bị biếm trích, đi đày đến những vùng đất xa xôi.

2.1. Cảnh và tình trong thơ biếm trích đến Việt Nam của Đỗ Thâm Ngôn

Đỗ Thâm Ngôn (杜审言), năm sinh năm mất của ông được xác định trong khoảng 645-708, ông tên tự là Tất Giản, người Tương Dương, Hồ Bắc ngày nay. Ông là Tiến sĩ đời vua Đường Cao Tông, năm Trung Tông Thần Long Nguyên (năm 695) bị biếm trích sang vùng Phong Châu (gần thủ đô Hà Nội ngày nay).

Một trong những bài thơ mở đầu trong thời gian Đỗ Thâm Ngôn ở Việt Nam là tác phẩm *Lữ ngụ An Nam* [9, quyển 62, trang 15], bài thơ theo thể ngũ ngôn luật là sự giải bày tâm trạng của thi sĩ lúc tha hương:

Chữ Hán	Phiên âm	Dịch nghĩa
旅寓安南	<i>Lữ ngụ An Nam</i>	Trọ tại An Nam
交趾殊風候，	<i>Giao Chỉ thù phong hậu,</i>	Giao Chỉ tiết trời đặc biệt,
寒遲暖復催。	<i>Hàn trì noãn phục thôi.</i>	Lạnh trễ, nóng nhanh tới.
仲冬山果熟，	<i>Trọng đông sơn quả thực,</i>	Giữa đông trái rừng chín,
正月野花開。	<i>Chính nguyệt dã hoa khai.</i>	Tháng giêng hoa đua nở.
積雨生昏霧，	<i>Tích vũ sinh hôn vụ,</i>	Mưa nhiều, mây giăng mắc,
積雨生昏霧，	<i>Khinh sương hạ chấn lôi,</i>	Sương đổ làm sấm vang.
輕霜下震雷。	<i>Cố hương du vạn lý,</i>	Quê nhà xa vạn dặm,
故鄉逾萬裡，	<i>Khách tứ bội tông lai.</i>	Lòng khách hằng nhớ thương.
客思倍從來。		

Vào thời Đường, Việt Nam lúc bấy giờ với tên gọi là An Nam vốn là một trong 6 địa phận hành chính đô hộ của nhà Đường, Giao Châu là trung tâm đô hộ phủ thuộc đạo Lĩnh Nam, Giao Chỉ chính là một trong 30 chức quan thứ sử từ đời Hán Vũ Đế lập ra để cai quản vùng đất thuộc Hà Nội ngày nay. Qua thời gian sinh sống, trải nghiệm ở Việt Nam, tác giả đã miêu tả chân thực và cụ thể tiết khí, cảnh vật nơi đây trong nội dung bài thơ ngắn gọn, súc tích. Đó là khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa Việt Nam với các đặc trưng nổi bật là nóng ẩm, mưa nhiều, mùa đông đến muộn và ngắn, mùa hè thường dài hơn. Vào mùa đông, nguyên tác bài thơ dùng “trọng đông” ý chỉ tháng 11 âm lịch ở nước ta thường có nhiều trái rừng chín. Đây là một trong những đặc trưng về khí hậu, cảnh vật ở Việt Nam khiến tác giả cảm thấy vô cùng mới mẻ, thích thú. Mùa xuân tháng giêng (chính nguyệt) giăng mắc mưa phùn, kèm theo sương đổ, mưa thường kéo theo tiếng sấm rền vang. Qua một số từ ngữ như “trọng đông”, “chính nguyệt” cùng với các động từ “thực”, “khai”, “sinh”, “hạ”... đã đặc tả được rõ nét sự thay đổi giữa các mùa của Việt Nam, nổi bật và điển hình hơn cả là những nét đặc trưng của mùa mưa và mùa khô. Điều đó cho thấy sự trải nghiệm của Đỗ Thâm Ngôn, đồng thời thể hiện được óc quan sát và sự cảm nhận vô cùng tinh tế của thi sĩ. Ẩn trong từng câu chữ còn là tâm trạng ngạc nhiên, yêu thích đồng thời là sự ngơ ngác cảnh sắc, khí hậu Việt Nam. Liên câu cuối, thể hiện tâm trạng của kẻ lữ khách tha hương, xa nhà nghìn dặm, không lúc nào Đỗ Thâm Ngôn không nhớ thương quê cũ, đây cũng là tấm lòng ái ưu của bậc Nho sĩ đương thời.

Bài thơ *Xuân nhật hoài quy* [9, quyển 62, trang 16] nối tiếp tâm trạng kẻ lữ khách nhớ về quê cũ của Đỗ Thâm Ngôn:

Chữ Hán	Phiên âm	Dịch nghĩa
春日懷歸 心是傷歸望， 春歸異往年。 河山鑑魏闕， 桑梓憶秦川。 花雜芳園鳥， 風和綠野煙。 更懷歡賞地， 車馬洛橋邊。	<i>Xuân nhật hoài quy</i> <i>Tâm thị thương quy vọng,</i> <i>Xuân quy dị vãng niên.</i> <i>Hà sơn giám Ngụy Khuyết,</i> <i>Tang tử ức Tần Xuyên.</i> <i>Hoa tạp phương viên diểu,</i> <i>Phong hòa lục dã yên.</i> <i>Cánh hoài hoan thưởng địa,</i> <i>Xa mã lạc kiều biên.</i>	Xuân đến nhớ ngày về Nỗi lòng thương đau ngóng trông ngày về, Xuân vẫn đến nhưng khác xuân đã qua. Núi sông [đây] soi bóng đất Ngụy Khuyết. Hương về quê nhà nhớ đất Tần Xuyên. Muôn hoa thơm ngát, chim hót trong vườn, Gió dịu mát, khói biếc ngập cánh đồng. Vui thường cảnh đất [này], lại càng nhớ thương, Những dòng xe ngựa chạy dưới chân cầu.

Bài thơ là nỗi lòng của Đỗ Thâm Ngôn trong chuỗi ngày biếm trích ở nơi đất khách xa xôi, tác giả tiếp tục sử dụng thể thơ ngũ ngôn cô đọng, tình cảm được gói ghém nhẹ nhàng qua từng câu chữ là tấm lòng đau đáu trong ngày xuân, vọng nhớ về kinh đô lúc bấy giờ. Hình ảnh “Ngụy Khuyết” (魏闕) chỉ kinh thành, nhưng lúc này đây không biết Đỗ Thâm Ngôn ngụ ý chỉ thành Trường An (长安) hay là thành Lạc Dương (洛阳), chỉ biết rằng lúc đang bị đày đến vùng đất Giao Châu, tác giả cơ hồ rất nhớ quê hương đất nước. Hình ảnh tiếng chim trong vườn hoa thơm, gió cùng với khói lam chiều, đặc biệt tiếng xe ngựa chạy dưới chân cầu vốn dĩ là thiên nhiên bình dị, đời thường nhưng với tác giả lúc này đây lại trở nên vô cùng đặc biệt. Bức tranh thơ của Đỗ Thâm Ngôn gợi nhớ đến cuộc sống trước đây, lòng thi sĩ càng thêm yêu, thêm nhớ và nỗi buồn dường như càng thêm đong đầy, khắc sâu.

Thơ của Đỗ Thâm Ngôn thường nghiêm cẩn, tuân theo quy tắc luật Đường, thanh âm hùng hồn, lời lẽ rõ ràng, đối với thể thơ năm chữ tác giả đã đạt được nhiều thành tựu xuất sắc trong việc dùng thể tài súc tích để diễn tả những xúc cảm tinh tế, lắng sâu. Những năm cuối đời, Đỗ Thâm Ngôn cùng với Thâm Thuyên Kỳ đã xướng họa thơ ca tạo ra một chỉnh thể thơ mới theo hướng cách tân, đồng thời ông được coi là người đặt nền móng cho thể thơ Đường cận thể. Thơ Đỗ Thâm Ngôn ít nhiều có ảnh hưởng đến thơ ca Việt Nam trong quãng thời gian ông sinh sống ở nơi đây, ông là một trong những tác giả tiêu biểu, đồng thời là nhân chứng quan trọng trong quá trình thu thập hồ sơ nghiên cứu về lịch sử truyền bá thơ Đường vào Việt Nam của chúng tôi.

2.2. Hình ảnh thiên nhiên Việt Nam và nỗi lòng thi sĩ Thâm Thuyên Kỳ

Nhà thơ Thâm Thuyên Kỳ (沈佺期), năm sinh năm mất của ông được xác định trong khoảng 656-715, ông quê quán tại An Dương, Hà Nam, Trung Quốc. Thâm Thuyên Kỳ là một trong những nhân chứng lịch sử góp phần truyền bá thơ Đường và có những sáng tác thơ ca trong quá trình biếm trích đến Việt Nam. Thâm Thuyên Kỳ là Tiên sĩ cấp đệ ngũ thượng nguyên thứ 2 (năm 675), đồng thời là một trong số những nhà thơ nổi tiếng thời Sơ Đường (618-713). Cùng với Đỗ Thâm Ngôn, Thâm Thuyên Kỳ đặc biệt dụng công trong việc cách tân thể thơ, tạo ra thể tài mới. Vào đời vua Đường Trung Tông (635-710), ông bị đày đến Yên Châu (địa phận Nghệ Tĩnh ngày nay). Ông bị lưu đày trong thời gian 3 năm, tại thời điểm này ông đã viết bài thơ *Sơ đạt Hoan Châu* [8, quyển 96, trang 49] ngũ ngôn cổ thể.

Chữ Hán	Phiên âm	Dịch nghĩa
初達驩州 自昔聞銅柱， 行來向一年。	<i>Sơ đạt Hoan Châu</i> <i>Tự tích văn đồng trụ,</i> <i>Hành lai hướng nhất niên.</i>	Lần đầu đến Hoan Châu Từ xưa đã nghe tiếng trụ đồng, Hành trình đã một năm.

不知林邑地，	Bất tri Lâm Ấp địa,	Không biết ở nơi đất Lâm Ấp,
猶隔道明天。	Do cách đạo minh thiên.	Vì cách trở nên đạo lí sáng tỏ.
雨露何時及？	Vũ lộ hà thời cập？	Mưa móc biết bao giờ đến kịp？
京華若個邊。	Kinh hoa nhược cá biên.	Đất kinh thành vẫn xa cách bên trời.
思君無限淚，	Tư quân vô hạn lệ,	Nhớ vua nước mắt như vô hạn,
堪作日南泉。	Kham tác Nhật Nam tuyền.	Giống như là dòng suối Nhật Nam.

Thẩm Thuyên Kỳ đã đưa vào trong thơ những hình ảnh vô cùng giản dị, đó là cây trụ đồng ở quê nhà. Thời gian trôi qua nhanh, từ lúc còn chưa biết gì về đất Lâm Ấp đến nay đã gần bốn mươi năm, cảnh vật Việt Nam đã trở nên thân thuộc với tác giả. Tại nơi đất Lâm Ấp, mưa rơi nhiều, khiến lòng người thêm trĩu nặng, tác giả vẫn thường khắc khoải ước muốn được trở lại quê cũ. Cảnh thiên nhiên, thời tiết được miêu tả chân thực, bởi ngay thời điểm hiện tại ở miền trung thân thương, những cơn mưa rào rích như thế vẫn khiến tâm sự trùng xuống, nỗi buồn như nhân lên, lan tỏa vào không gian cao rộng. Tấm lòng quân tử là tác giả Thẩm Thuyên Kỳ lúc này chứa đựng cả nỗi sầu muộn, nhớ vua, thương quê khiến lệ nhòa như là dòng suối Nhật Nam.

Trong thời gian biếm trích ở Việt Nam, Thẩm Thuyên Kỳ còn viết tác phẩm *Hoan Châu Nam đình dạ vọng* [9, quyển 96, trang 51]:

Chữ Hán	Phiên âm	Dịch nghĩa
驩州南亭夜望	Hoan Châu Nam đình dạ vọng	Trên đình Nam đất Hoan Châu ngắm nhìn cảnh đêm
昨夜南亭望，	Tạc dạ Nam đình vọng,	Đêm hôm qua trên đình Nam trông vọng,
分明夢洛中。	Phân minh mộng lạc trung.	Rõ ràng như lạc trong giấc mộng.
室家誰道別，	Thất gia thùy đạo biệt,	Trong gia đình ai nói lời cáo biệt？
兒女案嘗同。	Nhi nữ án thường đồng.	Con gái con trai đều chung cảm xúc.
忽覺猶言是，	Hốt giác do ngôn thị,	Đột nhiên nhận ra những lời trước kia là thực,
沉思始悟空。	Trầm tư thủy ngộ không.	Chìm đắm trong suy nghĩ mới lĩnh hội cả không gian.
肝腸餘幾寸，	Cán tràng dư kỉ thốn,	Ruột gan dài mấy thước,
拭淚坐春風。	Thức lệ tọa xuân phong.	Ngồi trong gió xuân lau nước mắt.

Hoan Châu thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay, tên gọi Hoan Châu vốn là địa danh hành chính được cai quản dưới thời Đường. Năm 628, Đường Thái Tông đặt Hoan Châu đô đốc phủ, lĩnh 8 châu Hoan, Diễn, Minh, Trí, Lâm, Nguyên, Cảnh, Hải. Năm 742, Đường Minh Hoàng đổi thành quận Nhật Nam giống như tên gọi thuộc thời Tùy. Năm 758, Đường Túc Tông đổi lại thành Hoan Châu. “Hoan châu (sau này gọi là xứ Nghệ) tương đương tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh” [9]. Trong một đêm xuân, tác giả ở đình Nam xứ Hoan Châu ngắm cảnh đêm. Khung cảnh như thực, như mộng bởi những cảm xúc tự đáy lòng thi sĩ luôn ẩn hiện cả khi tỉnh lẫn khi mơ. Liên thơ mở đầu gợi nhớ về cảnh tượng đêm qua, tác giả bước lên đình Nam để trông vọng về phương Bắc, nơi quê nhà thân thương. Dưới ánh trăng sáng, tác giả trầm ngâm suy nghĩ về kinh thành Lạc Dương. Tác giả mơ về cảnh gia đình ấm êm, đoàn tụ cùng vợ con. Trớ trêu thay khung cảnh yên bình ấy buộc phải buông lời cáo biệt, gia quyến đều cùng chung tâm trạng, đó là nỗi buồn vì biệt li. Cảnh tượng thân thuộc trước đây, hiện tại lại giống như là giấc mơ. Dòng cảm xúc nhớ thương, trông mong, khắc khoải trôi chảy dễ rời như bị chặn đứng lại, im bất dưới ánh trăng, chỉ có nước mắt là không ngừng tuôn chảy. Câu thơ chứa đựng tâm sự thâm kín, thể hiện tâm trạng dồn nén của cảm xúc và dòng suy nghĩ

đa chiều, tinh tế. Giác mộng và hiện thực đảo ngược khiến thi sĩ “hốt giác” giật mình nhận ra khung cảnh âm êm của gia đình trước kia chỉ còn là giấc mộng, hiện thực là cảnh tha hương nơi chân trời xa xôi, cách trở. Giác mộng về sự đoàn tụ đó là một chút hơi ấm nhen nhóm, vương vẫn còn sót lại để sưởi ấm, an ủi thi nhân, thi nhân mỉm cười mà nước mắt vẫn tuối rơi. Đọc toàn bài thơ, thấy hiện lên cả nỗi lòng đau đáu “tư hương vọng quốc”, nhớ người thân, nhớ quê cũ của thi sĩ Thâm Thuyên Kỳ nơi đất khách.

Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ đều là những nhà nho yêu nước, nhưng vì sai phạm với triều đình nên cả hai thi sĩ tài năng đều bị biếm trích, đi đày ở nơi xa xôi. Ẩn sau những câu chữ miêu tả cảnh thiên nhiên Việt Nam, luôn là nỗi lòng sắt son, không hề mai một, đó là ước mong ngày gặp mặt đáng minh quân, trở về quê hương, những nỗi niềm đó âu cũng là điển hình cho tâm sự ưu thời mẫn thế của các nhà nho đương thời.

Tiếp đến là bài thơ *Đề da tử thụ* [9, quyển 96, trang 55] nối tiếp chuỗi bài thơ viết về thiên nhiên, cảnh vật Việt Nam của Thâm Thuyên Kỳ. Tác phẩm được viết vào năm Long Thần (năm 706):

Chữ Hán	Phiên âm	Dịch nghĩa
題椰子樹	Đề da tử thụ	Đề bài về cây dừa
日南椰子樹，	<i>Nhật Nam da tử thụ,</i>	Cây dừa ở vùng Nhật Nam,
香裊出風塵。	<i>Hương niểu xuất phong trần.</i>	Hương thơm quyện bay theo gió bụi.
叢生調木首，	<i>Tùng sinh điều mộc thủ</i>	Mọc thành cụm đứng đầu các cây,
圓實檳榔身。	<i>Viên thực tân lang thân.</i>	Thân tròn tựa thực giống cây cau.
玉房九霄露，	<i>Ngọc phòng cửu tiêu lộ,</i>	Sương móc như ngọc trắng giữa chín tầng cao,
碧葉四時春。	<i>Bích diệp tứ thời xuân.</i>	Lá xanh biếc bốn mùa đều là xuân.
不及塗林果，	<i>Bất cập đồ lâm quả,</i>	Cũng không bằng quả đồ lâm,
移根隨漢臣。	<i>Di căn tùy Hán thần.</i>	Rời gốc theo quân thần nhà Hán.

Hình ảnh cây dừa là một giống cây đặc trưng ở Việt Nam được Thâm Thuyên Kỳ miêu tả như một bức kí họa thiên nhiên sinh động, từ hương thơm của loài dừa, cách phát triển, thân cây, lá cây, đến quả... Bởi cuộc sống gắn bó với vùng đất Giao Châu, nên tác giả đã đưa hình ảnh thiên nhiên nước Việt vào trong thơ vô cùng chân thực và rõ nét. Hai câu cuối là sự chuyển ý đột ngột, là nghệ thuật mượn cảnh tả tình, giải bày tâm sự của nhà thơ. Lúc này đây, tác giả đang cách xa kinh thành, không nhận được sự sủng ái, coi trọng của triều đình, là cả nỗi khổ hạnh, cơ cực của thi sĩ khi bị đày đến xứ Hoan Châu. Câu cuối tác giả đã sử dụng đến điển tích về quả đồ lâm. Quyển 9, sách *Thái bình ngự lãm* có dẫn: “Trương Khiên vì Hán sứ ngoại quốc thập bát niên, đắc đồ lâm an thạch lựu dã” (张騫为汉使外国十八年,得涂林安石榴也) [10]. Ý nói Trương Khiên đi xứ Tây vực, khi trở về, ông đã mang theo loài lựu đồ lâm, từ đó cây lựu được phát triển rộng khắp trên đất Hán. Sử dụng điển tích về “quả đồ lâm” cốt để diễn tả nỗi lòng thi sĩ Thâm Thuyên Kỳ luôn khắc khoải tâm trạng trở về quê hương và cũng mong sẽ mang được giống dừa của đất Việt về trồng giống như là kỉ tích của Trương Khiên.

Ngoài ra, Thâm Thuyên Kỳ còn sáng tác bài thơ *Cửu Chân sơn, Tịnh Cư tự, yết Vô Ngại thượng nhân* [9, Quyển 97, tr17]. Tương truyền đây là bài thơ thi sĩ họ Thâm viết tặng Vô Ngại thượng nhân, lúc đến yết kiến vị sư người Việt danh tiếng này vào năm 685. Chùa Tịnh Cư, địa hạt Cửu Chân vốn thuộc Thanh Hoá ngày nay.

Chữ Hán	Phiên âm	Dịch nghĩa
九真山淨居寺 謁無礙上人	Cửu Chân sơn, Tịnh Cư tự, yết Vô Ngại thượng	Đến chùa Tịnh Cư ở núi Cửu Chân bái kiến Vô Ngại thượng nhân

大士生天竺，
分身化日南。
人中出煩惱，
山下即伽藍。
小澗香為剎，
危峰石作龕。
候禪青鵠乳，
窺講白猿參。
藤愛雲間壁，
花憐石下潭。
泉行幽供好，
林掛浴衣堪。
弟子哀無識，
醫王惜未談。
機疑聞不二，
蒙昧即朝三。
欲究因緣理，
聊寬放棄慚。
超然虎溪夕，
雙樹下虛嵐。

nhân

*Đại sĩ sinh Thiên Trúc,
Phân thân hoá Nhật Nam.
Nhân trung xuất phiền não,
Sơn hạ tức già lam.
Tiểu gián hương vi sát,
Nguy phong thạch tác khâm.
Hầu thiền thanh cấp nhũ,
Khuy giảng bạch viên tham.
Đằng ái vân gián bích,
Hoa mê thạch hạ đàm.
Tuyền hành u cung hảo,
Lâm quải dục y kham.
Đệ tử ai vô thức,
Y vương tích vị đàm.
Cơ nghi văn bất nhị,
Mông muội tức triều tam.
Dục cứu nhân duyên lí,
Liêu khoan phóng khí tầm.
Siêu nhiên Hồ Khê tịch,
Chích thụ hạ hư lam.*

Đức Phật vốn sinh ra ở Thiên Trúc,
Phân hoá thân sang đất Nhật Nam này.
Giải thoát khỏi cảnh phiền não trong cõi
người,
Ngôi chùa của ngài làm ngay dưới chân núi.
Chọn điểm khe núi làm chùa,
Núi cao lấy bệ đá làm am thờ Phật.
Chim xanh chăm con như chờ vào cảnh thiền,
Vượn trắng như muốn dự nghe giảng kinh
Phật.
Nghỉ ngơi nghe lí không hai,
Mơ mị giống như triều tam.
Muốn tìm đến lẽ nhân duyên,
Khoan dung hỏ thẹn mà buông bỏ hết thảy.
Mây leo quần trên vách đá từng lớp đứng,
Hoa bò bên hồ dưới chân vách đá.
Suối u tịch chảy quanh đẹp lạ thường,
Trong rừng vui [chịu] cảnh tắm [suối] phơi áo
cây.
Đệ tử [này] buồn vì không thể làm được như
vậy,
Tiếc chưa thể đàm luận [nhiều] cùng bậc thầy
cao
cả.
Chiều tối ngồi nơi Hồ Khê như vượt qua mọi sự,
Hai gốc cổ thụ phủ đầy khí núi hư ảo.

Bài thơ thể hiện sự tôn kính, ngưỡng mộ của Thâm Thuyên Kỳ đối với ngài Vô Ngại ở Việt Nam. Tác giả coi thượng nhân Vô Ngại như là vị Phật tôn kính ở Ấn Độ đã hóa thân sang miền đất này. Thiền sư Vô Ngại uyên thâm Phật pháp, mỗi lần ngài giảng đạo khiến muôn loài tự nhiên đều háo hức đến nghe. Ngôi chùa được miêu tả cụ thể, quay mặt ra suối, dựa lưng vào núi, đây là thế đắc địa để dựng am tu đạo. Tác giả ngưỡng mộ cuộc sống thiền tịnh, chan hòa với thiên nhiên của vị thiền sư đồng thời còn biểu hiện nỗi buồn vì chưa thể đàm đạo nhiều cùng ngài Vô Ngại. Thâm Thuyên Kỳ đã dùng điển “triều tam mộ tứ” (朝三暮四) của Trang Tử trong *Tề vật luận* ý chỉ sự hồ nghi, chưa hiểu rõ bản chất của đạo Phật [11]. Đến thăm Vô Ngại thượng sư là hữu duyên, thi sĩ như được giác ngộ, cuộc sống thường nhật cùng những lời giảng Pháp vi diệu, uyên thâm của Phật Vô Ngại khiến tác giả thấu đạt chân lý, muốn quy y, tịnh độ, muốn gạt bỏ đi kiếp bụi trần của những ngày tháng lưu đầy vất vả để cùng an nhàn với thiên nhiên, sông núi. Bài thơ phần nào cho thấy sự tôn trọng, ngợi ca Phật giáo Việt Nam đầu thế kỉ thứ VIII của một trong những thi sĩ nổi tiếng thời Sơ Đường ở Trung Hoa.

Qua những bài thơ vừa phân tích, Thâm Thuyên Kỳ đã viết về đất nước Việt Nam và bày tỏ tâm trạng, nỗi lòng sâu kín của mình trong quá trình ông sinh sống ở nơi đây. Hình ảnh thiên nhiên, đất nước Việt Nam được đan xen, lồng ghép, đồng thời là sự gián tiếp, ẩn dụ để giải tỏa nỗi lòng, những trăn trở của tác giả về cuộc đời, cõi nhân sinh. Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ đều là những nhà thơ nổi tiếng và có tầm ảnh hưởng quan trọng đến văn học Trung Hoa giai đoạn Sơ Đường. Trong quá trình lưu đầy, biếm trích đến nước ta, các nhà thơ đã trực tiếp truyền bá thơ Đường vào Việt Nam, trực tiếp sáng tác trên mảnh đất Giao Châu lúc bấy giờ. Có thể nói các nhà thơ trên cùng với những sáng tác của họ đã có ảnh hưởng quan trọng đối với lịch sử truyền bá, tiếp nhận, đặc biệt là tiến trình vay mượn, sáng tạo thành công thể thơ Đường luật của người Việt Nam. Việc tìm hiểu những bài thơ được sáng tác ở Việt Nam, và những công

trình đã dịch thuật, bình luận sẽ là những tiêu chí để nhận định, đánh giá vai trò, vị trí của hai nhà thơ trên không chỉ ở Trung Quốc mà còn là ở phạm vi quốc tế. Đó còn là sự đồng tình của chúng tôi với nhận định của PGS.TS Nguyễn Thị Mai Chanh: "... số lượng tác phẩm được dịch và sự quan tâm của giới học thuật (thể hiện ở bài viết và các hoạt động liên quan phỏng vấn, bình luận trên tạp chí và các phương tiện truyền thông) là một chỉ số cho thấy tầm ảnh hưởng của một tác gia văn học nước ngoài tại một cộng đồng độc giả ngoại quốc [12].

3. Kết luận

Hành trình biếm trích đến Việt Nam đã giúp Đỗ Thâm Ngôn và Thâm Thuyên Kỳ có thêm tri thức, sự am hiểu sâu sắc về vùng đất Giao Châu đương thời. Họ đã sáng tác và truyền bá thơ Đường trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt khó khăn, những bài thơ của họ vô cùng giàu giá trị bởi nghệ thuật Đường thi điêu luyện và tình cảm thiêng liêng, trân quý của các bậc nho sĩ ưu thời mẫn thế. Ngoài ra, dựa vào một số tiêu đề của các bài thơ trong *Toàn Đường thi*, đi sâu vào tìm hiểu, phân tích nội dung chúng tôi nhận thấy thời Đường, nhiều bậc văn nhân, sĩ đại phu có sự bồi dưỡng, học vấn uyên thâm đã từng đến Việt Nam. Họ đã trực tiếp đưa văn hóa, điển hình là thơ ca Trung Hoa truyền bá tới nước ta, sự ảnh hưởng của họ đối với sự phát triển thể loại thơ Đường luật Việt Nam là không hề nhỏ. Do vậy, chúng tôi hi vọng sẽ có thêm những định hướng nghiên cứu chuyên sâu về sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tuyết Hạnh, 1996. Luận án "Vấn đề dịch thơ Đường ở Việt Nam", Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Lê Thị Anh, 2006. Luận án "Thơ mới với thơ Đường", Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3] Hoàng Trọng Quyền, 2004. Luận án "Nguyễn Du và Đỗ Phủ những tương đồng và khác biệt về nghệ thuật", Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] Trần Tế Xương, *Đường thi hợp tuyển ngũ ngôn luật giải âm* (唐诗合选五言律解音), bản chữ Nôm, kí hiệu AB.194, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tr30-62.
- [5] Trần Trọng Kim dịch, 1950. *Đường thi*, Tủ sách giáo khoa Tân Việt, Hà Nội, tr146.
- [6] Đỗ Bằng Đoàn, Bùi Khánh Đan dịch, 2006. *Đường thi trích dịch*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr147.
- [7] Lăng Chương, 2009. "Sự truyền bá thơ Đường ở Việt Nam", <http://blog.sina.com.cn/lingzhang010>. (凌彰:《唐诗在越南的传播》, 2009, <http://blog.sina.com.cn/lingzhang010>.)
- [8] Dương Quảng Hàm, 1968. *Việt Nam văn học sử yếu*. Nxb Trung tâm học liệu Hà Nội, tr.25.
- [9] Bảng Định Cầu (đời Thanh) biên tập. 1960. *Toàn Đường thi*. Nxb Trung Hoa thư cục, tr15. (清彭定求等编:《全唐诗》[繁体竖排], 中华书局, 1960年版)
- [10] Đào Duy Anh, 2015. *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr100.
- [11] Lí Phưởng (đời Tống) biên tập. 2008. *Thái bình ngự lãm*. Nxb Thượng Hải Thư cục, tr170. (宋李昉等编:《太平御览》, 上海书局, 2008年版)
- [12] Nguyễn Thị Mai Chanh, 2021. "Hành trình "đi ra" hải ngoại của nữ nhà văn Trung Quốc đương đại - Tàn Tuyết", Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội Volume 66, Issue 3, pp. 3-11.

ABSTRACT

Tang poetry of some poets during their exile in Vietnam

Nguyen Hong Linh

Faculty of Literature, Thai Nguyen University of education.

Ph.D. student at Central China Normal University

The Tang Dynasty had a prosperous economy and political stability and good educational policies marking the golden age of Tang Poetry with the greatest number of poets and the most brilliant number of compositions in the history of classical Chinese poetry. As a precious cultural heritage, Tang poetry and the culture of the Tang Dynasty were positively received in Vietnam... Vietnam has been many in-depth research works about regarding the influence and reception of some typical poets of the Tang period, namely DuFu, Li Bai, Bai Ju Yi... Other Tang poets are still faint silhouettes. In the process of studying the history of the propagation and reception of Tang poetry into Vietnam, we have more knowledge about Tang poems composed by poets during their exile in our country. They have an intimate relationship with Vietnamese writers, so they have had the opportunity to disseminate the Tang poetry, and have contributed several poems with the enormous value in content and art at the same time. Within the scope of the article, we focus on introducing and surveying poetry in the exile of two poets of the Early Tang period – namely Du Shen Yan and Shen Quan Qi. The survey of poems written in a special historical period by two poets shows that the beauty and undying vitality of the Tang poetry is also the contribution of poems describing Vietnam's nature, landscapes, and Vietnamese.

Keywords: Tang poetry, Early Tang, exile, Du Shen Yan, Shen Quan Qi.